

Bản án số: 381/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Nguyệt Ánh - Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Quận 7.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh - Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Quận 7.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 923/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị N, sinh năm 1995. (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp Q, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tri K, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ tạm trú: đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị N và ông Nguyễn Tri K là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2018 ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời gian chung sống vợ chồng bà thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chồng bà chỉ lo chơi bời mà không quan tâm chăm sóc vợ con, không có sự chia sẻ với bà. Vợ chồng bà đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được, bản thân bà N cũng đã khuyên can nhiều lần nhưng ông K không thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 9/2019. Nay bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà N và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim C, sinh ngày 26/6/2018. Hiện con đang sống với bà, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án và cam kết chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7, không nộp đơn ly hôn tại Tòa án nào khác; việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ khác.

2. Bị đơn - ông Nguyễn Tri K: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng dân sự:

[2] Bà Hồ Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con đối với ông Nguyễn Tri K; địa chỉ: đường P, khu phố B, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét, quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của bà Hồ Thị N về việc yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tri K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Bà N và ông K là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2018 ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long là đúng với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Theo bà N trình bày thì trong thời gian chung sống vợ chồng bà thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, lối sống, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chồng bà chỉ lo chơi bởi mà không quan tâm chăm sóc vợ con, không có sự chia sẻ với bà. Vợ chồng bà đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được, bản thân bà N cũng đã khuyên can nhiều lần nhưng ông K không thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 9/2019. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

[8] Tòa án đã tiến hành xác minh đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ phường P, Quận G để tham khảo nhưng kết quả không thể hiện việc mâu thuẫn của vợ chồng bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để vợ chồng bà N hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng bà N cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

[9] Đối với ông K, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng ông không đến Tòa giải quyết vụ án, ông cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của bà N và không đưa ra giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, chứng tỏ ông cũng không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà N và không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình.

[10] Như vậy, ông K đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì trình bày của bà N được thừa nhận mà không cần phải chứng minh. Xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[11] Xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Kim C, sinh ngày 26/6/2018, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[12] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì ông K và bà N có 01

con chung tên Nguyễn Ngọc Kim C, giới tính: Nữ, sinh ngày 26/6/2018 theo Giấy khai sinh số 115/2018 ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long. Bà N trình bày hiện con đang sống cùng với bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

[13] Xét thấy, hiện nay trẻ C còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và bà N là người đang chăm sóc, nuôi dưỡng nên việc tiếp tục giao trẻ cho bà N trực tiếp nuôi là đảm bảo ổn định tâm lý và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, mặt khác ông K cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của bà N. Do đó, yêu cầu về con chung của bà N sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[14] Về cấp dưỡng: Bà N tự nguyện không yêu cầu ông K cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[15] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[16] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông K.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2018 ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long)

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Kim C, giới tính: Nữ, sinh ngày 26/6/2018 cho bà N được trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền, lợi ích hợp pháp của con, sau khi ly hôn các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0032055 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Dung).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương